

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2018

“V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Xuân Hiền** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Hoan** và ông **Đào Duy Ngọc**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Hương Sen** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhiệm** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 532/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 02/01/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1980; HKTT và hiện trú tại: Số nhà 5 phố LC, phường PNL, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*chị H có mặt tại phiên tòa*).

Bị đơn: Anh **Trần Văn S** (tên gọi khác: H), sinh năm 1976; HKTT: 15/87 đại lộ THĐ, phường THĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 7 tầng 1 B4 BM, phường PNL, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*anh S vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Trần Văn S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký và được UBND phường THĐ, thành phố Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/1999. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà 7 tầng 1 B4 BM, phường PNL (ở nhờ nhà của bố mẹ chị H), cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc được thời gian khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường xuyên chơi bời, cờ bạc dẫn tới nợ nần. Cuộc sống cứ như vậy kéo dài mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Đến năm 2014 do không chịu đựng nổi nên chị bỏ về nhà đẻ tại số nhà 5 LC, phường PNL ở cùng mẹ đẻ còn anh S vẫn ở tại nhà số 7 tầng 1 B4 BM cho đến cuối năm 2016 thì bỏ đi không cho chị và gia

định biết địa chỉ. Đến nay, qua thông tin liên lạc mạng xã hội và điện thoại, chị H cũng như gia đình chỉ biết anh S nói ở trong Quảng Nam còn địa chỉ cụ thể nào anh S không cho ai biết. Nay chị H xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị và anh S không đạt được mục đích và không còn điều kiện để cải thiện nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết cho chị ly hôn với anh S.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Quang H, sinh ngày 18/10/2002 và Trần Đức A, sinh ngày 26/3/2009. Hiện nay con chung Trần Quang H đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng còn cháu A bị khuyết tật trí tuệ mức độ nặng và đang do Trung tâm bảo trợ xã hội nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H vì không biết anh S đang ở đâu, hơn nữa cháu H có nguyện vọng muốn được ở với mẹ còn cháu A chị H xin nhận trách nhiệm phối hợp với Trung tâm bảo trợ để chăm sóc giáo dục cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị tự nguyện không yêu cầu anh S phải có trách nhiệm cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không có nợ chung, không có công sức chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại các biên bản lấy lời khai ông Trần Văn S1 và bà Phạm Thị M (bố mẹ đẻ anh S) trình bày: Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị Thanh H là vợ chồng, trong cuộc sống anh S và chị H có mâu thuẫn hay không thì ông bà không nắm được. Tuy nhiên, ông Sơn và bà Minh xác định anh do chơi bời, nợ nần nên đã bỏ đi không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể mặc dù vẫn thường xuyên trao đổi liên lạc đôi với chị gái và vợ con để hỏi thăm sức khỏe ông bà. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của ông bà không muốn các con ly hôn nhưng đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai chị Trần Thị Kim A1 (là chị gái anh S) xác định anh S bỏ đi khỏi nơi cư trú không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể. Tuy nhiên, anh S vẫn thỉnh thoảng gọi điện về cho chị thông báo về tình hình sức khỏe của bản thân cũng như hỏi thăm sức khỏe của bố mẹ ở nhà. Chị có hỏi nhưng anh S chỉ nói đang làm ăn ở Quảng Nam còn cụ thể địa chỉ như thế nào anh S giấu không cho bị biết.

Tại các biên bản xác minh trường khu dân cư và chi hội trưởng phụ nữ nơi chị H, anh S khi còn sống chung xác định vợ chồng anh S chị H trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S chơi bời nợ nần, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã xô sát. Trên thực tế vợ chồng anh chị ly thân nhau đã lâu, từ 2016 đến nay anh S đã bỏ đi khỏi nơi cư trú không biết đi đâu làm gì.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu H vì cháu Huy có nguyện vọng muốn được ở với chị còn cháu A là trẻ em

khuyết tật trí tuệ nặng đang do Trung tâm bảo trợ xã hội nuôi dưỡng nên chị đề nghị được tiếp tục phối hợp với Trung tâm để chăm sóc giáo dục cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng vì hiện tại không biết anh S ở đâu.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Anh Trần Văn S vắng mặt.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện VKSND thành phố Hải Dương về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án thành phố Hải Dương đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trần Văn S theo đúng quy định tại Khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh S vắng mặt không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S có quan hệ hôn nhân hợp pháp, cuộc sống vợ chồng của chị H có nhiều mâu thuẫn kéo dài từ nhiều năm. Nguyên nhân do anh S chơi bời, cờ bạc, không làm ăn lo cho kinh tế gia đình, dẫn đến nợ nần chồng chất phải bỏ nhà trốn nợ. Chị đã nhiều lần khuyên bảo và gửi đơn xin ly hôn một lần nhưng anh S không thay đổi. Vợ chồng anh chị sống ly thân đã từ lâu. Xét thấy mâu thuẫn của hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay chị H xin ly hôn, anh S biết nhưng cố tình giấu địa chỉ, không đến làm việc tại Tòa án. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh S hiện tại không biết ở đâu, để đảm bảo cho cuộc sống của các con chung cần giao các con chung của vợ chồng cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với cháu A đang được Trung tâm bảo trợ xã hội nuôi dưỡng nên chị H và anh S có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm để chăm sóc giáo dục cháu A. Đồng thời chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không có công sức chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy không xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí Tòa án, nghị quyết 326 của Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Văn S.

- Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh H được nuôi dưỡng cháu Trần Quang H, sinh ngày 18/10/2002 và cháu Trần Đức A, sinh ngày 26/3/2009 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Đức A, chị H và anh S có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm bảo trợ xã hội trong việc chăm sóc giáo dục cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Trần Văn S. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh S đã được chị H thông báo về việc khởi kiện, tuy nhiên anh S cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt văn bản tố tụng đối với anh S thông qua người thân, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh S nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh S là phù hợp với điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký và được UBND phường THĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/1999. Do trong cuộc sống sinh hoạt, anh S thường xuyên chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Từ đó vợ chồng mâu thuẫn, mặc dù chị có khuyên bảo anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Đến năm 2014 vợ chồng đã ly thân nhau mỗi người một nơi không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Từ cuối năm 2016, trong khi vợ chồng ly thân anh S đã bỏ đi không cho chị và gia đình biết địa chỉ cụ thể mặc dù vẫn thường liên lạc về gia đình. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, chị H cũng như chị gái anh S đã thông tin cho anh S biết nhưng anh S vẫn cố tình giấu địa chỉ chứng tỏ việc anh S cũng không tha thiết tìm biện pháp cải thiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng diễn ra đã lâu nhưng không có điều kiện để cải thiện nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S không đạt được mục đích. Vì vậy, chị Nguyễn Thị Thanh H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh S là hoàn toàn chính đáng, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh S có hai con chung là Trần Quang H, sinh ngày 18/10/2002 và Trần Đức A, sinh ngày 26/3/2009. Hiện nay con chung Trần Quang H đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng còn cháu A bị khuyết tật trí tuệ mức độ nặng và đang do Trung tâm bảo trợ xã hội nuôi dưỡng bán trú, buổi tối về nhà vẫn do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Trần Quang H có nguyện vọng muốn được ở với chị H và cháu A vẫn cần sự chăm sóc, trong khi anh S không biết ở đâu nên cần giao cháu H và cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho các con chung. Đối với cháu Trần Đức A hiện tại đã được Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương tiếp nhận vào học tập và nuôi dưỡng bán trú nên ngoài thời gian ở Trung tâm vẫn cần giao cho chị H và anh S có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm trong việc chăm sóc giáo dục cháu Đức là đảm bảo quyền lợi cho con chung và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị H và bị đơn anh S có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XỬ:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Văn S (tên gọi khác: H).

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Quang H, sinh ngày 18/10/2002 và Trần Đức A, sinh ngày 26/3/2009 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này. Giao cho chị H và anh S có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương trong việc chăm sóc, giáo dục con chung Trần Đức A, sinh ngày 26/3/2009 là người bị khuyết tật trí tuệ mức độ nặng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000đ chị H đã nộp tạm ứng án phí

theo biên lai số AA/2016/0002405 ngày 12/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*chị H đã nộp đủ án phí*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THA DS TPHD;
- Các đương sự;
- UBND phường THĐ, TPHD (để ghi vào sổ hộ tịch);
- TT BTXH;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP (HCTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền